TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 – 4 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quốc Phòng.

2. Bà Nguyễn Thị Loan.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phan Mạnh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Thị L, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 02 năm 2023, Biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 02 năm 2023 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L và anh L1 tự nguyện tìm hiểu nhau, được gia đình hai bên đồng ý nên tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 11 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là Thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm hay cãi vã lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung. Anh L1 thường xuyên say

xỉn, ghen tuông, có người phụ nữ khác và thường xuyên đánh đập chị L, đuổi chị L ra khỏi nhà. Hiện nay, vợ chồng chị L, anh L1 đã không còn sống chung, chị L về nhà mẹ đẻ để sinh sống và cũng không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm với anh L1. Nhận thấy tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 và Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012. Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2023 chị L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba con chung và yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con số tiền 3.000.000 đồng/tháng/3 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012, giao con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Hoàng Văn L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 3 năm 2023, anh Hoàng Văn L1 trình bày:

Anh Hoàng Văn L1 thống nhất với phần trình bày của chị L về thời gian tìm hiểu và thời gian chung sống. Sau khi kết hôn, giữa anh L1 và chị L vẫn chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, chị L tự bỏ nhà đi mà không nói lý do cho anh L1 biết. Do anh L1 là người công giáo và hiện tại anh L1 vẫn còn tình cảm với chị L muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái nên trước yêu cầu ly hôn của chị L thì anh L1 không đồng ý.

Về con chung: Anh L1 thống nhất với chị L quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 và Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh L1 yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ba con chung, anh L1 không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai các ngày 03/3/2023 và 21/3/2023 và tại phiên tòa các cháu Hoàng Thị Bảo Y và Hoàng Bảo L có nguyện vọng được ở với ba là anh Hoàng Văn L1, cháu Hoàng Thị Bảo A có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị L.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương

sự đã thực hiện đúng các quy định về trình tự thủ tục tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Hoàng Văn L1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Giao con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Hoàng Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Chị L và anh L1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn L1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì L ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn L1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002698 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[I] Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Hoàng Văn L1. Anh L1 là bị đơn có hộ khẩu thường trú Tổ dân phố X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, anh Hoàng Văn L1 có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[II] Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn L1 tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý và có đăng ký kết hôn vào ngày 25 tháng 11 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã S (nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị L và anh L1 chung sống với nhau hạnh phúc. Khoảng năm 2019, giữa chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm, hai người cũng không có biện pháp hàn gắn lại tình cảm. Hiện tại, chị L và anh L1 không còn sống chung với nhau, chị L xác định không còn tình cảm với anh L1 nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng anh L1 không đồng ý.

Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù anh L1 có nguyện vọng mong muốn chị L quay về chung sống để xây dựng hạnh phúc gia đình, tuy nhiên chị L hiện nay không còn tình cảm với anh L1 và kiên quyết ly hôn anh L1 chứng tỏ giữa các bên không tìm ra được tiếng nói chung, anh L1 cũng không có biện pháp khắc phục, không ai còn quan tâm đến ai, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và giữa hai người không có biện pháp để hàn gắn tình cảm, hơn nữa thực tế chị L và anh L1 không còn sống chung với nhau nên chị L yêu cầu ly hôn với anh L1 là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị L và anh L1 thống nhất quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 và Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012, giao con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Hoàng Văn L1 được trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L1 không đồng ý ly hôn nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm và nghĩa vụ của cả vợ lẫn chồng, mục đích chăm sóc, nuôi dưỡng các con trưởng thành, nguyện vọng của các bên đều chính đáng, tuy nhiên để ổn định cuộc sống và đảm bảo cho sự phát triển của con chung, căn cứ vào nguyện vọng của cháu A có nguyện vọng

được sống với mẹ, cháu Y và cháu L có nguyện vọng được sống với ba và để giảm bớt gánh nặng cấp dưỡng nuôi con cho một trong các bên, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của chị L giao con chung Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Hoàng Văn L1 được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy, chị L và anh L1 đang có công việc và thu thập ổn định, cả hai có điều kiện để chăm lo cho con chung được giao, Hội đồng xét xử quyết định không ai phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của pháp luật và sự tự nguyện của chị L.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh L1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Hoàng Văn L1 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn L1.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Hoàng Thị Bảo A, sinh ngày 25/11/2012 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế.

Giao con chung tên Hoàng Thị Bảo Y, sinh ngày 20/6/2009, Hoàng Bảo L, sinh ngày 23/02/2011 cho anh Hoàng Văn L1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho

đến khi con trưởng thành hoặc khi có quyết định khác thay thế. Chị L và anh L1, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn L1 đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì L ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Hoàng Văn L1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 31AA/2021/0002698 ngày 24/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch;
- UBND xã TT Phong Nha, huyện Bố Trạch Quyển số 104/2008);
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Quảng